

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN P
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2021/HS-ST
Ngày 28/4/2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Tiến Lợi.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Kim Niệm;

Ông Nguyễn Văn Sự.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P tham gia phiên tòa: Bà Kim Thị Giàu - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 08/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 02 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2021/QĐXXST-HS ngày 27 tháng 02 năm 2021 đối với bị cáo:

Lương Thị Kiều T, sinh ngày 08 tháng 11 năm 1998 tại Bình Dương; Nơi cư trú: Ấp ĐT, xã AB, huyện P, tỉnh BD; địa chỉ liên hệ: Ấp TH 1, xã TL, huyện ĐP, tỉnh BP; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lương C, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1974 (chết); bị cáo có chồng tên Phạm Trường T, sinh năm 1993 (không có đăng ký kết hôn); bị cáo có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2020.

Tiền án: 03 tiền án;

Ngày 11/10/2018, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 tháng về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Ngày 21/8/2019, bị Tòa án nhân dân huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước xử phạt 09 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt 06 tháng tù tại bản án số 50/2018/HSST ngày 11/10/2018 của Tòa án nhân dân huyện P, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 01 năm 03 tháng tù (được hoãn chấp hành án phạt tù theo Quyết định số 01a/2020/QĐ-CA ngày 16/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương)

Ngày 10/3/2020, bị Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xử phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Tổng hợp hình phạt 01 năm 03 tháng tù tại bản án số 47/2019/HSST ngày 47/2019/HSST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện P, buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 năm 03 tháng tù (chưa chấp hành xong hình phạt, chưa được xóa án tích).

Tiền sự: Không;

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Nguyễn Văn Hiền - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Bị hại:* Bà Đặng Thị H, sinh năm 1971. Nơi cư trú: Tổ 2, ấp BT, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Cao Đình B, sinh năm 1968. Nơi cư trú: Thôn 9, xã LH, huyện PR, tỉnh BP, vắng mặt.

2. Ông Nguyễn Duy Đ, sinh năm 1993. Nơi cư trú: Số nhà 355, Quốc lộ 14, khu phố PT, phường TT, thành phố ĐXi, tỉnh BP, vắng mặt.

3. Bà Nguyễn Thị D, sinh năm 1962. Nơi cư trú: Tổ 3, ấp TH 1, xã TL, huyện ĐP, tỉnh BP, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 10/3/2020, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xử phạt Lương Thị Kiều T 02 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt 01 năm 3 tháng tù tại bản án số 47/2019/HSTST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước, buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án là 03 năm 3 tháng tù (chưa chấp hành hình phạt, đang được hoãn thi hành án lý do nuôi con dưới 36 tháng tuổi).

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 24/12/2020, T điều khiển xe mô tô biển số 93P1 - 942.59 đến tiệm tạp hóa trên đường ĐT 741 thuộc ấp BT, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương do bà Đặng Thị H làm chủ, lợi dụng sơ hở bà H nên T lén lút vào tiệm lấy trộm 04 hộp hạt điều sấy khô, 01 thùng giấy màu xanh có hình chim yến bên trong có 06 gói thuốc Hòa Bình, 07 gói thuốc Sài Gòn hiệu Silver, 05 gói thuốc lá hiệu Sài Gòn vàng, 10 cái bật lửa gas bằng nhựa. Sau đó, T điều khiển xe về nhà ông Lương Chánh (cha ruột của T) ở ấp ĐT, xã AB, huyện P, tỉnh BD. T treo 01 hộp hạt điều sấy khô cho ông Chánh, số thuốc lá còn lại T sợ bị phát hiện nên đem vứt bỏ ở mương thoát nước cách nhà khoảng 50m, 01 hộp hạt điều T ăn hết, 02 hộp hạt điều rang muối loại 500gam T treo lên xe rồi điều khiển xe mô tô về nhà tại ấp Thuận Hòa, xã Thuận Lợi 1, huyện Đồng Phú, tỉnh Bình Phước. Ngày 24/12/2020, bà Đặng Thị H phát hiện mất trộm tài sản nên làm đơn trình báo Công an xã AB. Quá trình điều tra, Lương Thị Kiều T đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình và giao nộp 02 hộp hạt điều rang muối loại 500gam.

Bản kết luận định giá tài sản ngày 08/01/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện P kết luận: 02 hộp hạt điều rang muối loại 500gam: 250.000 đồng, 02 hộp hạt điều rang muối loại 250gam: 130.000 đồng; 10 bật lửa gas bằng nhựa xài đá: 30.000 đồng; 06 bao thuốc lá hiệu Hòa Bình: 72.000 đồng; 07 bao thuốc lá Sài Gòn hiệu Silver: 84.000 đồng; 05 bao thuốc lá hiệu Sài Gòn vàng: 60.000 đồng. Tổng giá trị tài sản đề nghị định giá theo quyết định số 05 ngày 05/01/2021 là 626.000 (Sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Đối với một thùng giấy màu xanh có hình chim yến đựng 10 bật lửa gas bằng nhựa xài đá, 06 bao thuốc lá hiệu Hòa Bình, 07 bao thuốc lá Sài Gòn hiệu Silver, 05 bao thuốc lá hiệu Sài Gòn vàng, Lương Thị Kiều T vứt bỏ tại mương nước tại đoạn đường An Bình, ấp ĐT, xã AB, huyện P, tỉnh BD; 01 hộp hạt điều rang muối sấy khô loại 250gam treo nhà của ông Lương Chánh không thu hồi được. Do đó, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P lập biên bản thu giữ vật chứng không thành.

Quá trình điều tra, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P thu giữ:

- 02 (hai) hộp hạt điều rang muối loại 500 gam;

- 01 (một) xe mô tô biển số 93P1 - 94259, số khung C6207Y018534, số máy 5C62018534 do ông Cao Đình Bấy đứng tên chủ sở hữu.

Tại Cáo trạng số 22/CT-VKSPG ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Lương Thị Kiều T về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội trong đó vẫn giữ nguyên quyết định của cáo trạng đã truy tố đối với bị cáo Lương Thị Kiều T, đánh giá tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử (HĐXX) áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự tuyên bố bị cáo Lương Thị Kiều T phạm tội “Trộm cắp tài sản” và đề nghị xử phạt bị cáo Lương Thị Kiều T mức án từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Đặng Thị H yêu cầu bị cáo Lương Thị Kiều T bồi thường số tiền 500.000 đồng đối với tài sản bị mất trộm không thu hồi được. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Đình B, ông Nguyễn Văn Đ và bà Nguyễn Thị D không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự.

Về xử lý vật chứng của vụ án: Đã giải quyết xong nên Viện kiểm sát không đặt ra xem xét.

Người bào chữa cho bị cáo Lương Thị Kiều T là Luật sư Nguyễn Văn Hiền có văn bản gửi cho Tòa án, trình bày:

Về tố tụng, cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng và đầy đủ quy định của pháp luật nên không có ý kiến khiếu nại, kiến nghị hay ý kiến khác.

Về nội dung: Thống nhất toàn bộ nội dung cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật và khung hình phạt đối với bị cáo Lương Thị Kiều T, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo, do bận công việc nên đề nghị xét xử vắng mặt Luật sư Nguyễn Văn Hiền.

Bị cáo thống nhất với lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát, không có ý kiến tranh luận. Bị cáo nói lời nói sau cùng, xin lỗi bị hại, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an huyện P, tỉnh Bình Dương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến, khiếu nại về hành vi quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Lương Thị Kiều T đã thừa nhận:

Tại bản án số 09/2020/HSTST ngày 10/3/2020, Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương xử phạt Lương Thị Kiều T 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản quy định tại

khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tổng hợp hình phạt 01 năm 3 tháng tù tại bản án số 47/2019/HSTST ngày 21/8/2019 của Tòa án nhân dân huyện ĐP, tỉnh Bình Phước buộc bị cáo phải chấp hành chung hình phạt của hai bản án là 03 năm 03 tháng tù (chưa chấp hành hình phạt, bị cáo đang được hoãn thi hành án lý do nuôi con dưới 36 tháng tuổi).

Khoảng 12 giờ ngày 24/12/2020, bị cáo T điều khiển xe mô tô biển số 93P1 - 942.59 đến tiệm tạp hóa trên đường ĐT 741 thuộc ấp BT, xã AB, huyện P, tỉnh Bình Dương lén lút vào tiệm tạp hóa do bà Đặng Thị H làm chủ lấy trộm 02 hộp hạt điều rang muối loại 500gam trị giá 250.000 đồng, 02 hộp hạt điều rang muối loại 250gam trị giá 130.000 đồng; 10 bật lửa gas bằng nhựa xài đá trị giá 30.000 đồng; 06 bao thuốc lá hiệu Hòa Bình trị giá 72.000 đồng; 07 bao thuốc lá Sài Gòn hiệu Silver trị giá 84.000 đồng; 05 bao thuốc lá hiệu Sài Gòn vàng trị giá 60.000 đồng. Tổng giá trị tài sản là 626.000 đồng (Sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng).

Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nội dung bản cáo trạng, phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ. Vì vậy, có đủ cơ sở để kết luận bị cáo Lương Thị Kiều T là người thực hiện hành vi “Trộm cắp tài sản” của bị hại bà Đặng Thị H.

Như vậy, Cáo trạng số 22/CT-VKS ngày 17 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện P truy tố bị cáo Lương Thị Kiều T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm b khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội; tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo là người thực hành và lỗi cố ý trực tiếp. Về nhận thức bị cáo biết việc lén lút trộm cắp tài sản thuộc sở hữu của người khác là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo đã đủ tuổi, đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, bị cáo đã chiếm đoạt tài sản của bị hại có giá trị 626.000 đồng (Sáu trăm hai mươi sáu nghìn đồng).. Bản thân bị cáo có 03 tiền án về tội “Trộm cắp tài sản” chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội trộm cắp tài sản. Vì vậy, hành vi của bị cáo Lương Thị Kiều T đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Do đó, cần xử bị cáo mức án thật nghiêm tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, nhằm trừng trị, răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung trong xã hội.

Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt cũng cần căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để quyết định hình phạt đối với bị cáo cho phù hợp.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo là lao động chính trong gia đình và phải nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được chính sách khoan hồng của pháp luật, sớm nhận ra lỗi lầm của mình, an tâm cải tạo trở thành công dân tốt cho xã hội.

[4] Xét thấy, mức án đề nghị của đại diện Viện kiểm sát đối với bị cáo là tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét, lời bào chữa của Luật sư Nguyễn Văn Hiền bào chữa cho bị cáo Lương Thị Kiều T là có căn cứ chấp nhận.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Bà Đặng Thị H yêu cầu bị cáo Lương Thị Kiều T phải bồi thường số tài sản bị cáo T lấy trộm, bà H không thu hồi được có giá trị 500.000 đồng, T đồng ý bồi thường số tiền nêu trên cho bà H nhưng chưa bồi thường, nên Hội đồng xét xử buộc bị cáo Lương Thị Kiều T phải bồi thường cho bị hại bà Đặng Thị H số tiền 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng).

[6] Về việc xử lý vật chứng của vụ án:

- 02 (hai) hộp hạt điều rang muối loại 500gam là tài sản của bà Đặng Thị H. Ngày 24/02/2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P ra Quyết định xử lý đồ vật tài liệu trả lại tài sản trên cho bà H. Bà H nhận lại tài sản, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- 01 (một) xe mô tô biển số 93P1 - 94259, số khung C6207Y018534, số máy 5C62018534 do ông Cao Đình Bấy đứng tên chủ sở hữu. Tháng 02 năm 2019, ông Bấy đã bán chiếc xe mô tô trên cho ông Nguyễn Duy Điệp nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 05/3/2019, ông Điệp đã bán lại xe mô tô trên cho bà Nguyễn Thị D nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Ngày 24/12/2020, bà D cho bị cáo Lương Thị Kiều T mượn đi công việc, việc T điều khiển xe mô tô dùng vào việc phạm tội bà D không biết. Ngày 24/02/2021, cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện P đã ra Quyết định xử lý vật chứng trả lại tài sản trên cho bà D, bà D đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38, Điều 48 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự; Điều 468, Điều 584 và Điều 589 của Bộ luật Dân sự; các Điều 135, Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lương Thị Kiều T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về điều luật áp dụng và mức hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 56 của Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo Lương Thị Kiều T 01 (Một) năm tù. Tổng hợp với hình phạt 03 (ba) năm 03 (ba) tháng tù tại Bản án số 09/2020/HSST ngày 10/3/2020 của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 04 (Bốn) năm 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tính từ ngày 17 tháng 3 năm 2021, khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 19/11/2019 đến ngày 25/11/2019.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 584, Điều 589 Bộ luật Dân sự; Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Buộc bị cáo Lương Thị Kiều T bồi thường cho bị hại bà Đặng Thị H số tiền là 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong số tiền phải thi hành thì còn phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

4. Về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp: Đã xử lý xong nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

5. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng các Điều 135, 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Điều 23, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/PL/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án buộc: Bị cáo Lương Thị Kiều T phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

6. Bị cáo có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án.

Người bào chữa cho bị cáo; bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- PV27 Công an tỉnh Bình Dương;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện P, tỉnh Bình Dương;
- Công an huyện P, tỉnh Bình Dương;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh Bình Dương;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: HS, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Võ Tiến Lợi